

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 24 - 9 - 2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 12/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST – DS ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, Tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Long C; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T – có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Thế A; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, Tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Long C trình bày:

Ngày 23/11/2015, anh Trần Văn H có cho anh Phạm Thế A, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông vay 88.340.000 đồng; hai bên có lập giấy mượn tiền, anh A trực tiếp ký và ghi họ tên trên giấy mượn tiền; anh H đã giao đủ số tiền 88.340.000 đồng cho anh A; thời hạn trả nợ là ngày 30/01/2016.

Đến hạn trả nợ, anh H đã yêu cầu nhiều lần nhưng anh A cố tình không trả, do đó anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh A phải trả lại số tiền gốc 88.340.000 đồng.

Đối với chữ ký và chữ viết dưới mục Bên vay trong Giấy biên nhận vay tiền

ngày 23/11/2015 là của anh Phạm Thế A; anh H cam đoan đây đúng là chữ ký và chữ viết của anh A và sẽ chịu trách nhiệm nếu cung cấp chứng cứ giả mạo cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Anh Phạm Thế A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đ, huyện T, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh A không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vẫn vắng mặt không do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ngày 23/11/2015, anh Trần Văn H cho anh Phạm Thế A vay số tiền 88.340.000 đồng; lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1%/tháng; hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền; anh A đã ký, ghi rõ họ tên trên giấy; anh H đã giao đủ tiền; thời hạn trả gốc và lãi là 30/01/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh A đã vi phạm nghĩa vụ, không trả gốc như thỏa thuận; bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho bên cho vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 275, khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H, buộc anh Phạm Thế A phải trả tổng số tiền 88.340.000 đồng cho anh Trần Văn H.

Về án phí: Anh Phạm Thế A phải chịu 4.417.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho anh Trần Văn H 2.208.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001475 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, anh Trần Văn H yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Thế A phải trả số tiền gốc 88.340.000 đồng đã vay, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Anh A chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn anh A không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh A theo thủ tục chung nhưng bị đơn anh A không hợp tác, vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2021 và phiên tòa hôm nay, anh A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung: Ngày 23/11/2015, anh Trần Văn H và anh Phạm Thế A lập giấy mượn tiền với nội dung: “*anh A vay số tiền 88.340.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/01/2016*”. Xét hợp đồng vay tài sản giữa anh H với anh A được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên; quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự; tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng nên giao dịch này là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện giao dịch, anh A không trả gốc như đã cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H; buộc anh Phạm Thế A phải trả cho anh H là số tiền 88.340.000 đồng. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H được chấp nhận nên anh Phạm Thế A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.417.000 đồng. Trả lại cho anh Trần Văn H 2.208.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001475 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 117; khoản 1 Điều 351; Điều 463, Điều 466; Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H. Buộc anh Phạm Thế A phải trả cho anh Trần Văn H số tiền 88.340.000 đồng (*Tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Phạm Thế A phải nộp 4.417.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho anh Trần Văn H 2.208.500 đồng (*hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001475 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung